



ĐẶC ĐIỂM THI PHÁP TRUYỆN DÂN GIAN AN GIANG

Trần Tùng Chinh

Trường Đại học An Giang

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 12/10/2015

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
10/11/2015

Ngày chấp nhận đăng: 02/2017

Title:

Poetic characteristics of An
Giang folktales

Keywords:

An Giang folktales,
poetic features

Từ khóa:

Truyện dân gian An Giang,
đặc điểm thi pháp

ABSTRACT

The paper aims to explore poetic characteristics of An Giang folktales such as story plots, story conflicts, characters, time and space in each type of folktales through surveying and classifying. It is conducted with the folklore research methodologies to access the abundant and distinctive sources of An Giang folktales to find out unique characteristics of An Giang folktales regarding the region. It also offers a new approach to An Giang folktales in terms of the local literature program.

TÓM TẮT

Mục đích của đề tài nghiên cứu này là thông qua việc khảo sát và phân loại, tìm hiểu và phát hiện những đặc điểm thi pháp truyện dân gian An Giang như kết cấu cốt truyện, xung đột truyện, nhân vật, thời gian và không gian nghệ thuật, ... ở từng thể loại cụ thể. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp luận nghiên cứu văn học dân gian và từ góc độ thi pháp học nhằm tiếp cận nguồn truyện dân gian An Giang phong phú và đặc sắc, tìm ra những đặc trưng riêng của truyện dân gian An Giang gắn với vùng đất An Giang. Từ đó, nghiên cứu mở ra một hướng tiếp cận tác phẩm truyện dân gian An Giang trong chương trình Ngữ văn địa phương.

1. PHẦN MỞ ĐẦU

An Giang là một vùng đất giàu bản sắc trên các lĩnh vực lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội và văn hóa. An Giang cũng là vùng đất địa linh nhân kiệt có chiều dài và bề dày lịch sử đáng tự hào gắn với công cuộc khẩn hoang đất phương Nam. Ở vùng đất ấy, nhiều cộng đồng dân cư như Kinh, Hoa, Chăm, Khmer cùng sinh sống tạo nên sự đa dạng phong phú về đời sống vật chất cũng như văn hóa tinh thần của con người. Điều này cũng góp vào kho tàng văn học dân gian An Giang những thành tựu đặc sắc và độc đáo.

Tuy nhiên đến nay, ngoài các công trình sưu tầm thì chưa có một công trình nào nghiên cứu về văn học dân gian An Giang nói chung và truyện dân gian An Giang nói riêng ở góc độ thi pháp học. Dựa trên công trình sưu tầm về Văn học dân gian

An Giang (Huỳnh Công Tín, 2006), đề tài nghiên cứu sẽ đi sâu tìm hiểu một số đặc điểm thi pháp như kết cấu, xung đột, nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, ... ở từng thể loại cụ thể. Qua đó, chúng tôi cũng gợi ý hướng tiếp cận tác phẩm truyện dân gian An Giang trong chương trình Ngữ văn địa phương.

2. NỘI DUNG

2.1 Vài nét về đất và người An Giang

An Giang, từ xưa đến nay, đã trải qua rất nhiều biến động thay đổi không chỉ về địa hình của vùng đất mà còn là sự tách nhập liên tục qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Để có được địa bàn tỉnh An Giang như hiện nay, An Giang trước đây đã từng có những phần ranh giới mà bây giờ là địa phận của tỉnh khác như Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), Hà Tiên (nay thuộc tỉnh Kiên

Giang), Thốt Nốt (nay thuộc thành phố Cần Thơ),...v.v...

Vậy nên việc xác định không gian An Giang để tìm hiểu những truyện kể dân gian trên vùng đất này, không chỉ cứng nhắc giới hạn ở ranh giới địa lý An Giang như hiện tại. Những tư liệu lịch sử còn lưu lại và những tìm hiểu nghiên cứu của các học giả về vùng đất này sẽ cho ta một sự hình dung về một vùng đất mà ở đó, đã hình thành và lưu truyền một kho tàng truyện kể dân gian vô cùng độc đáo, phong phú và đa dạng.

An Giang có một địa hình đặc trưng rất riêng biệt của vùng đất. Những cánh đồng bung mênh mông, những sông mương kênh rạch uốn khúc, những núi non sừng sững đã tạo nên một hình sông thế núi vừa thơ mộng hữu tình vừa linh thiêng bí ẩn. Địa hình độc đáo này tạo nên một thế giới không gian nghệ thuật đặc sắc trong truyện kể dân gian. An Giang cũng là vùng đất cổ xưa và được khai phá trên dưới 300 năm trở lại đây, đặc biệt là vào thời nhà Nguyễn gọi ra một khoảng thời gian nghệ thuật đặc trưng trong các truyện kể dân gian. An Giang cũng là nơi hợp lưu của nhiều lớp, nhiều dòng văn hóa từ Phù Nam, Khmer rồi sau này là Việt, Hoa, Chăm... nói tiếp nhau, có khi đan xen nhau, hòa hợp vào nhau. Riêng người Việt khi tới đây khẩn hoang lập ấp đã trân trọng và cố gắng *làm sống lại những nền văn hóa thuộc cổ sử và sơ sử đã lắng sâu dưới lòng đất thấp* (Nguyễn Đình Đầu, 1999, tr. 13). Họ vừa giữ gìn được bản sắc đậm đà của văn hóa riêng mình, vừa ở tư thế kế thừa, đón nhận, giao lưu văn hóa với các tộc người Khmer, Chăm, Hoa... để cùng xây dựng một vùng đất văn hóa đặc sắc.

Theo đó, An Giang đất lành chim đậu đã tụ họp một lớp cư dân đồng đảo về tộc người, đa dạng về văn hóa, phong phú về tính cách. Họ chung lưng đấu cật cùng nhau vào sinh ra tử, đồng cam cộng khổ chia ngọt sẻ bùi để xây dựng và bảo vệ quê hương, góp phần vào sự hình thành và phát triển vùng đất An Giang địa linh nhân kiệt, giàu đẹp trù phú và đậm đà bản sắc như hôm nay.

2.2 Khái niệm và phân loại truyện dân gian An Giang

Sự hình thành và lưu truyền văn học dân gian vùng đất phương Nam nói chung và những truyện kể dân gian An Giang nói riêng một mặt dựa trên sự kế thừa những gì đã có của truyền thống văn học dân gian dân tộc, mặt khác lại hoàn toàn mang những dấu ấn mới mẻ của một vùng đất biên cương còn non trẻ.

Các thể loại cơ bản như thần thoại, truyền thuyết (lịch sử, khẩn hoang, địa danh), các tiểu loại truyện cổ tích dân gian An Giang (truyện cổ tích thần kỳ, cổ tích động vật, cổ tích sinh hoạt), truyện cười... hầu hết đều được ra đời và lưu truyền trên dưới 300 năm khi những người Việt đầu tiên có mặt ở vùng đất này để làm cuộc khẩn hoang. Con người ở không gian văn hóa của vùng đất này đã nảy sinh nhu cầu lý giải một cách hồn nhiên và bay bổng những kiến tạo tự nhiên của vùng đất ấy – những xóm làng cư trú, những sông ngòi kênh rạch, núi non, đồng ruộng... Đồng thời, họ cũng có nhu cầu tìm hiểu nhiều hơn về vùng đất. Ý thức chinh phục thiên nhiên, nhu cầu giao tiếp sinh hoạt và đặc biệt là tình cảm gắn bó mật thiết với mảnh đất từ xa lạ đến quen thân ấy đã thôi thúc họ sáng tạo ra một hình thái ý thức tinh thần đi cùng họ trong suốt quá trình chinh phục và cải tạo môi trường sinh sống. Tất cả là chất xúc tác làm nảy sinh nhiều truyện kể dân gian đặc sắc.

Vậy, truyện dân gian An Giang, trước tiên phải là những tác phẩm đã sống cùng với người dân bản địa và của cả lưu dân An Giang trong quá trình chinh phục và khai phá vùng biên giới Tây Nam. Đó là các truyện kể cổ xưa về vương quốc Phù Nam, về người Chân Lạp, người Khmer cổ; là nguồn truyện ra đời trong quá trình khẩn hoang mở đất của người Việt ở An Giang. Truyện kể dân gian An Giang là những truyện kể truyền miệng dân gian bằng văn xuôi có độ lùi lịch sử nhất định, được hình thành và lưu truyền ở vùng đất An Giang xưa và được sưu tầm lại ở phạm vi địa phương An Giang ngày nay. Đó là những truyện kể có cốt truyện, có nhân vật và các mối xung đột, có không gian thời gian nhất định.

Dựa theo sự phân loại các thể loại tự sự dân gian Việt Nam, chúng tôi cũng khảo sát truyện kể dân gian An Giang trong công trình sưu tầm Văn học

dân gian An Giang (Huỳnh Công Tín, 2006) theo các thể loại quen thuộc như *Thần thoại* (16 truyện kể và 6 dị bản), *Truyện thuyết* (109 truyện kể và 100 dị bản), *Truyện cổ tích* (Truyện cổ tích thần kỳ với 83 truyện và 22 dị bản, Truyện cổ tích loài vật với 40 truyện và 12 dị bản, Truyện cổ tích thể sự với 133 truyện và 17 dị bản), *Truyện cười* (153 truyện và 2 dị bản).

2.3 Đặc điểm thi pháp truyện dân gian An Giang (trong phạm vi giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ trình bày đặc điểm thi pháp của truyện thuyết và truyện cổ tích)

2.3.1 Đặc điểm thi pháp Truyện thuyết

2.3.1.1. Cốt truyện: Gắn với hai mô hình cốt truyện cơ bản

a. Mô hình cốt truyện của nhóm truyện đề tài khản hoang kể về cuộc đời của con người với thiên nhiên hoang dã trong buổi đầu đến vùng đất An Giang lập nghiệp:

Mở đầu là một vùng đất hoang sơ, sông nước Tây Nam bộ, vùng Bảy núi, vùng Thất Sơn; kèm theo thời gian là ngày xưa, ngày trước (hầu hết các truyện). Tiếp theo là những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên nơi vùng đất ấy (*Câu Ông Cả, Bà Đới Om, Búng Bình Thiên, Cù lao ông Hổ, Hang ông Hổ, Heo ba chân...*). Xung đột hình thành và phát triển (*Sự tích thầy Ba Cô, Tăng Ân đánh cọp, Miếu ông Hổ,...*). Kết thúc là sự thích nghi hoặc chiến thắng để an cư lạc nghiệp, mở rộng địa bàn cư trú; là hành động xả thân vì người thân, vì cộng đồng đôi khi phải trả giá bằng mạng sống, là dấu ấn của cuộc đời lên địa danh vùng đất (hầu hết các truyện).

Khảo sát mô hình cốt truyện nêu trên, ta thấy hệ thống các truyện kèm theo đó đều gắn liền với thời kỳ khai hoang mở đất diễn ra chưa lâu ở vùng đất phương Nam nói chung và An Giang nói riêng. Vì thế, dù có hư cấu, “ảo hóa” nhưng truyện thuyết dân gian An Giang vẫn rất đậm nét hiện thực.

Trước hết, truyện hiện thực ở cách vào truyện, mở đầu quen thuộc. *Búng Bình Thiên* kể rằng *Ngày xưa, tại vùng búng lớn, cây cối um tùm hoang vu, rậm rạp, nhiều loài thú chim muôn sinh sống như voi, hổ, báo... nhưng voi tượng chiếm đa số.* Hay

dị bản 5 của truyện *Cù lao Ông Hổ* kể *Thuở xưa, xưa lắm rồi, lúc đó ở đây chỉ là một vùng đất rừng thiêng nước độc.* Tiếp theo, các truyện nhấn mạnh nét hoang dã bởi thú dữ đe dọa mạng sống của con người. Đó là con hổ *to lớn, hung dữ đã bắt rất nhiều người ăn thịt khiến người dân luôn lo sợ (Hang ông Hổ).* Hay *lũ thú dữ hoành hành rất khủng khiếp, dân làng tổ chức nhiều lần đánh đuổi nhưng chỉ hao người tốn của (Óc Eo giống cát).* Mỗi truyện một nét, tô vẽ lên bức tranh về một vùng đất thưa thớt dấu chân người, là cái “phông nền” khắc liệt cho cốt truyện hình thành và phát triển.

Mâu thuẫn nảy sinh từ hai thế lực đối kháng nhau. Một bên là thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ đe dọa, thiên tai dữ dội, bệnh tật hoành hành... Tất cả vây bủa, lấn át, giễu võ dương oai, giành lấy thế chủ động. Trong khi đó, tạo thành thế đối trọng có vẻ như không cân sức, là hình ảnh con người tay không mở đất, hoặc chỉ với vài ba vũ khí – chính xác hơn là các dụng cụ lao động thô sơ.

Đó là hai anh em bị rắn rượt đuổi ăn thịt (*Rắn đồng*), là người vợ bị con rắn khổng lồ nuốt mất (*Mãng xà ở Vĩnh Trường*), là những người dân bị sâu ăn thịt (*Tiêu diệt sâu lửa cứu dân*), là bao nhiêu người dân vô tội bị mất mạng (*Cá mập ở Vàm Nao*)... Phần bi tráng nhất của cốt truyện thuộc nhóm truyện con người đời đầu với thiên nhiên trên bước đường khai khẩn này bao giờ cũng là phần diễn tả sự xung đột đó. Ta có thể thấy điều này được miêu tả qua những lời kể sống động của các truyện kể như *Rắn đồng, Con trâu vùng Bảy Núi, Con trăn chín lỗ mũi, Heo rừng ba chân, Diệt rắn ở Chợ Vàm, Trị rắn, Ba cây Thốt Nốt, Tiêu diệt rắn hổ cứu dân, Giết hổ cứu bạn,...*

Diễn tả cuộc chiến đấu mà đôi khi con người phải anh dũng hi sinh, qua việc sắp xếp các tình tiết ly kỳ gay cấn đến cuối cùng, tác giả dân gian đi đến kết thúc phổ biến cho hàng loạt cốt truyện là sự chiến thắng của con người trước thế lực của tự nhiên hoang dã một thời. Quá trình chinh phục tự nhiên đó có khi đã phải trả giá đắt nhưng hầu hết cốt truyện đều đi đến một kết thúc có hậu khi con người An Giang dần dần an cư lạc nghiệp, họ tạo dựng được cuộc sống bình yên nơi đây. Kết thúc

ây như một nén nhang tưởng nhớ về cuộc đấu tranh sống còn thuở khai hoang mở đất của cha ông.

Trong quá trình khảo sát, không ít truyện kể dân gian An Giang thuộc đề tài này đã sử dụng các motif về những con người thật đặc biệt đã thuần dưỡng các loài sấu ác cộp dữ để chúng không quấy phá dân lành. Ta thấy một số truyện như *Phật thầy Tây An, Cứu hổ mắc xương, Sấu Năm Chèo, Cù Lao Ông Hổ, Con cộp biết trả ơn, Pháp sư đuổi hổ,...* Ở các truyện này, nổi bật lên cách ứng xử khác thường, và cách ứng xử này cũng tạo nên nét khác biệt với các truyện cùng đề tài khẩn hoang ở các vùng miền khác. Đó là con người không tiêu diệt, tận diệt loài thú hoang hung hãn mà cảm hóa, thuần dưỡng nó; hoặc giả dùng cái “đạo” mang màu sắc thần bí để hóa giải bản năng thú tính hoặc giả cúng bái, lập miếu thờ để thể hiện sự kiêng dè trong quan hệ với thiên nhiên.

b. Mô hình cốt truyện của nhóm truyện kể về đề tài xây dựng và bảo vệ gìn giữ vùng đất, chống thù trong giặc ngoài:

Mở đầu với thời gian, không gian xác định (hầu hết các truyện). Tình huống phát sinh chủ yếu xoay quanh công cuộc xây dựng mở mang bờ cõi, quan tâm đến đời sống dân sinh; là những cuộc nội chiến và chống ngoại xâm (*Truyện về Thoại Ngọc Hầu, Châu Thị Tế, Sự tích Phật thầy Tây An, Thầy thím ở Núi Sập, Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Búng Bình Thiên, Sự tích địa danh Doi Lừa, Đình thờ Trương Hữu Lễ, Võ Duy Dương và căn cứ ở cù lao An Phú, Nữ chúa và vùng đất Óc Eo, Nguyễn Hữu Cảnh và cù lao Vĩnh Trường,...*). Tiếp đó là sự xuất hiện của nhân vật (tính cách, tài năng, công đức) (hầu hết các truyện). Và kết thúc là những chiến thắng vẻ vang hay sự thất bại oai hùng, hi sinh bi tráng được nhân dân lưu truyền, tưởng nhớ (hầu hết các truyện).

Ở mảng đề tài này, không gian thời gian cũng được xác định khá rạch ròi. Các tình huống tạo thành cốt truyện phản ánh những sự kiện và những yếu tố hiện thực đã từng xảy ra ở mảnh đất phương Nam nói chung và vùng biên An Giang nhiều biến động này cũng chỉ từ khoảng trên dưới 300 năm trở lại đây. Lồng vào đó là công cuộc

xây dựng mở mang đầy khó khăn thử thách qua các công trình có quy mô lớn thể hiện tầm nhìn chiến lược về vùng đất này của các bậc tiền nhân.

Nổi bật ở mô hình cốt truyện này là các tình huống xoay quanh công cuộc chống giặc ngoại xâm của người dân An Giang với những hình tượng nhân vật lịch sử thật đẹp, thật tuyệt vời. Nhân dân đã tạo ra truyền thuyết để lưu truyền lịch sử theo cách của mình. Lịch sử ở một vùng đất nhiều biến động đã tạo ra những truyện kể dân gian đậm màu truyền thuyết.

Truyện *Đền thờ Đức Cố Quân* ca ngợi cuộc kháng chiến chống giặc Tây ở Láng Linh. Truyện *Miếu Vệ Thủy* kể về hai vị chánh và phó đội thủy binh Đỗ Đăng Tân và Lê Văn Sanh có nhiệm vụ tiêu trừ bọn giặc Pháp cướp nước qua cuộc chiến căng thẳng vào một ngày tháng 6 năm 1867. Hai ông đã tổ chức cho cảm tử quân đục thủng tàu giặc. Đại sự bất thành, hai ông triệt thoái thuyền bè vào lòng mương Thủy (do voi rừng đi xuyên mà thành) và đồng loạt nhấn chìm để khỏi rơi vào tay giặc. Truyện *Kênh Vĩnh Tế và chiến công của Nguyễn Văn Thoại* biểu dương công đức của ông Thoại Ngọc Hầu sau khi đào kênh Vĩnh Tế, phụng mệnh vua Gia Long, ông Thoại tấn công cả nước Xiêm lẫn Cao Miên để giữ yên và mở mang bờ cõi.

Chiếm số lượng nhiều hơn cả là các truyện kể khai thác tình huống xây dựng mở mang vùng đất trở nên sung túc và sầm uất, đặc biệt là các giai thoại về nhân vật lịch sử Thoại Ngọc Hầu, người có công lớn trong việc khai hoang lập ấp miền Hậu Giang và gìn giữ bờ cõi phía Tây. Các truyện kể không khai thác nhiều những chiến công chống giặc ngoại xâm của ông mà tập trung – với nhiều bản kể, dị bản – thể hiện lòng cảm mến sâu xa đến những việc làm thiết thực như mở rộng giao thông trong trấn, chiêu dân lập ấp, đắp lộ bắc cầu, xây cất từ miếu trong thời gian vị danh tướng này làm trấn thủ Vĩnh Thanh. Và công lao lớn nhất mà đời đời người dân vẫn nhắc nhớ, chính Thoại Ngọc Hầu là người khởi xướng, hoạch định, đốc thúc công cuộc mở đất, đào kênh Thoại Hà từ Long Xuyên tới Rạch Giá, kênh Vĩnh Tế từ Châu Đốc thẳng tới Hà Tiên dài hàng trăm cây số.

2.3.1.2. Xung đột:

Hướng tới khai thác cả hai xung đột. Một là, cuộc đối đầu với thiên nhiên khắc nghiệt trong buổi đầu khẩn hoang vùng đất, ở đây bao hàm cả những thử thách gay gắt và khốc liệt của những cuộc đại khẩn hoang – như các công trình mà quy mô của nó rất hoành tráng và vĩ đại như đào kênh Thoại Hà, kênh Vĩnh Tế. Đối tượng xung đột rất đa dạng, khi là bệnh dịch hoành hành, là địa chất phức tạp của vùng đất, là những tội đồ bướng bỉnh không dễ khuất phục. Hai là, cuộc đối đầu với thù trong giặc ngoài. Dù xung đột này cũng căng thẳng không kém nhưng các truyện kể An Giang chủ yếu chỉ đề cập đến một cách khái quát, mượn xung đột ấy để làm nền cho câu chuyện hơn là đi sâu khai thác sâu sắc các mâu thuẫn cụ thể.

Cuộc đối đầu xung đột với thiên nhiên là một cuộc chiến không cân sức. Người dân áo vải chân không, khí cụ thô sơ nhưng lại có cái thể mạnh của một tập thể đoàn kết, luôn biết gắn bó, nương tựa vào nhau. Hậu thuẫn cho họ - những người lưu dân can đảm dám dấn thân trong cuộc xung đột đối đầu này - là các nhân vật trợ thủ hết sức đặc biệt. Đó là những bậc cao nhân có phong thái phi phàm, những danh tướng tài hoa tâm huyết dám nghĩ dám làm. Tất cả đã đẩy xung đột truyện lên cao trào và kết quả xung đột đó là một vùng đất phì nhiêu ngày càng tươi tốt, những cánh đồng lúa bạt ngàn vào mùa bội thu, là kênh mương dẫn nước tưới tiêu và nguồn tôm cá dồi dào, là những thị tứ sầm uất và ngày càng đông đúc. Chùm truyện về *danh tướng Thoại Ngọc Hầu, về Chương cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh*, chùm truyện kể về *Đức Phật Thầy Tây An*, về các *Ông Đạo...* đã làm nên nét đặc trưng riêng cho loại xung đột này trong truyện kể dân gian An Giang.

Cuộc đối đầu với thù trong giặc ngoài được kể khá nhiều trong các truyện qua hai xung đột chính: giữa dân ta và bọn giặc từ các nước láng giềng lân cận như Xiêm, như Cao Miên; giữa dân tộc ta và bọn thực dân Pháp. Truyền thuyết An Giang kể nhiều về cuộc khởi nghĩa của Võ Duy Dương (*Võ Duy Dương ở Búng Bình Thiên, Võ Duy Dương và căn cứ cù lao An Phú*), khởi nghĩa

Bảy Thưa ở căn cứ Láng Linh (*Đền thờ Đức Cố Quán*), những tên tuổi của những người yêu nước như ông Nguyễn Văn Thới và Trần Văn Nhu trong truyện *Phủ thờ ông Ba*, chàng trai trong *Phủ thờ xóm Gò*, ông chánh và phó đội thủy binh trong truyện *Miếu Vệ Thủy...*

2.3.1.3. Nhân vật: khai thác hình ảnh con người (những bậc hào kiệt, những người dân bình thường) trong:

Mối quan hệ với thiên nhiên hoang dã vừa đối đầu, vừa có sự thích nghi hài hòa, thậm chí kiêng dè trước vùng đất mới – “đất có thổ công, sông có hà bá”, mà địa hình đã được kiến tạo mang nhiều sắc thái bí ẩn, huyền ảo của núi non chập chùng, rừng rậm thâm u, sóng nước mênh mông ẩn chứa nhiều bí mật. Hầu hết các truyện kể đều khắc họa loại nhân vật *đám đông* (*Đông Ki Cô và chợ Đông Ki, Cá Mập Vàm Nao, Diệt rắn ở Chợ Vàm, Rắn thần ở chùa Hang...*) với những tính cách rõ nét. Họ không có tên gọi cụ thể mà chỉ được nhắc đến bằng các từ *dân làng, người trong xóm, người dân, hai vợ chồng nọ, hai anh em kia...* Tuy nhiên, chân dung của họ được chạm khắc một cách đầy góc cạnh, không dễ gì chịu khuất phục. Ở họ có nỗi đau của bi kịch, nhưng lại có sự kềm nén để vượt lên bất hạnh bằng lòng quyết tâm sắt và ý chí thép. Họ đoàn kết, yêu thương nhau trong sự quản tụ của những số phận cùng cảnh ngộ. Rồi quê hương, đến đây lập nghiệp, họ chỉ muốn được yên ổn làm ăn, gắn bó với cuộc mưu sinh để tồn tại. Cuộc chiến của họ với thiên nhiên là cuộc chiến sinh tử nhưng ta không thấy ở đó sự hăn học, cay cú mà trước sau vẫn một tấm lòng rộng mở phóng khoáng bao dung.

Chùm truyện *Cù lao Ông Hổ*, dù có rất nhiều dị bản khác nhau nhưng đều thống nhất ở hình ảnh người yêu thương hổ, chăm sóc bảo bọc chở che hổ bằng tình thương rất nhân bản. Các chi tiết kết thúc lý giải tên gọi *cù lao ông Hổ* nhằm để tôn vinh và lưu lại ngàn đời vẻ đẹp của Hổ mà hành xử có nghĩa như người.

Trên cái phong nền của loại nhân vật *đám đông*, các nhân vật có tên tuổi rõ ràng, xác định cũng xuất hiện, đại diện cho tính cách của người An

Giang chân thành mà hào sảng, gan góc mà nhân hậu, quyết đoán dám nghĩ dám làm nhưng tử tế và trách nhiệm, biết nghĩ đến lợi ích chung. Đó là Phật Thầy Tây An và môn phái Bửu Sơn Kỳ Hương cùng rất nhiều giai thoại mang màu sắc huyền bí; là ông Đình Tây, ông Bùi Văn Thân (dân gian còn gọi là Tăng chủ Bùi Thiền sư hay Bùi Thiền Tăng chủ) gỡ xương cho Cọp; là Sư Tăng Ân – đệ tử Trí Năng, đánh hổ; là ba ông Nhất, Nhị, Tam trị bệnh cứu người...

Mối quan hệ với thù trong giặc ngoài và các quan hệ xã hội khác. Bên cạnh nhân vật đấm đông, những tướng sĩ, tùy tùng, nghĩa quân cùng những người dân áo vải chân không, là những nhân vật lịch sử nổi tiếng quen thuộc được xác định rõ ràng cụ thể.

Đó là các bậc đại thần, các vị tướng mà cuộc đời của họ gắn bó một cách đầy định mệnh với vùng đất An Giang: là Nguyễn Văn Thoại với công trình kênh Thoại Hà và kênh Vĩnh Tế cùng những chiến công đánh dẹp giặc Cao Miên, giặc Xiêm làm loạn (*Kinh Vĩnh Tế và chiến công của Nguyễn Văn Thoại*); là Nguyễn Hữu Cảnh dẹp yên vụ phá rối của Chiêm Thành và bọn loạn đảng A Ban, khai phá các vùng đất màu mỡ phi nhiêu dọc theo sông Cửu Long; là Đức cố quân Trần Văn Thành (trong truyện cùng tên), Nguyễn Hữu Lễ (truyện *Đền thờ Nguyễn Hữu Lễ*), Trương Hữu Lễ (*Đình thờ Trương Hữu Lễ*), Võ Duy Dương và con trai của ông (Truyện *Ba ngôi mộ ở Búng Bình Thiên*), hai ông chánh và phó đội thủy binh Lê Văn Sanh và Đỗ Đăng Tàu (truyện *Miếu Vệ Thủy*), Tổng đốc Doãn Uẩn (truyện *Chùa cổ Tây An*)... Các nhân vật xuất hiện trong truyện kể khá chân thật, ít chi tiết hư cấu. Họ có tên tuổi, lai lịch nguồn gốc rõ ràng, tính cách nổi bật là lòng yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc, có tinh thần quả cảm, can trường, sẵn sàng hy sinh xả thân vì dân tộc. Và kết thúc truyện, họ được nhân dân tưởng nhớ, thờ cúng.

2.3.1.4. Thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật

Thời gian nghệ thuật: Vừa không xác định rõ thời gian (thời kỳ khẩn hoang, mở đất của các cư dân cổ hình thành từ trước thường mở đầu bằng

công thức *ngày xưa, thuở xưa, xưa kia, thời khai hoang lập địa*), vừa là thời gian lịch sử xác định (thời kỳ xây dựng, mở mang vùng đất và các cuộc nội chiến, ngoại xâm thường mở đầu với sự xác định cụ thể như *Đời vua Gia Long, Thời vua Minh Mạng, Khoảng năm 1851, Hồi năm 1905, 1906...*). Phần lớn các truyện có công thức kết thúc là thời gian được xác định, nhằm khẳng định tính hiện thực của truyện, đó cũng là cách để tác giả dân gian chứng thực điều mình kể là có cơ sở, thể hiện sự ngưỡng vọng, lòng yêu quý, sự tưởng nhớ của dân gian với các nhân vật lịch sử đặc biệt có công lớn với vùng đất này. Truyện *Đền thờ Đức Cố Quân* nêu rõ hàng năm, vào ngày 20 tháng 2 âm lịch người dân đều tổ chức lễ hội tưởng nhớ vị tướng giỏi cũng là vị thánh nhân mà người đời ca tụng. Truyện *Đền thờ Nguyễn Hữu Lễ* thì nhắc vào ngày 14, 15 tháng 4 âm lịch có tổ chức lễ hội cúng bái, để tỏ lòng biết ơn, kính trọng đối với vị anh hùng đã vì dân vì nước...

Không gian nghệ thuật: Một là, nhóm truyện có đề tài khẩn hoang với các công thức không gian không xác định về một vùng đất hoang sơ trước khi người Việt vào khai phá mở cõi (vùng núi vắng vẻ, một vùng đất trống, một vùng sông nước...). Hai là, nhóm truyện nêu rõ các địa danh với tên gọi cụ thể (chẳng hạn Nhon Hội, An Phú - Búng Bình Thiên; chợ Tân Kiểng - Tăng Ân đánh cọp; Tân Hòa, Phú Tân - Rạch Nàng Ét; Năng Gù, Mỹ Hội Đông, Nhà Bàng - Sáu Năm Chèo; Chợ Vàm - Diệt rắn ở Chợ Vàm; sông Vàm Nao - Cá mập ở Vàm Nao...). Ba là, nhóm truyện thường mở đầu là một không gian không xác định về một vùng đất hoang sơ thuở xưa khi ông cha ta mới đặt những bước chân đầu tiên khai phá nhưng kết thúc có một công thức lặp lại là tên gọi địa danh xác định ở cuối truyện (chùm truyện về *Cù lao Ông Hổ*, về *Núi Bà Đội Om*, về *Búng Bình Thiên*, về *Chân Tiên ở núi Tô, núi Cẩm...*)

2.3.2. Truyện cổ tích

2.3.2.1. Kết cấu cốt truyện

a. Truyện cổ tích động vật có kết cấu cốt truyện đơn giản, ngắn gọn, xây dựng chủ yếu dựa trên đối thoại.

Motif chủ yếu lặp lại trong hầu hết các truyện là “sự gặp gỡ” (*con gà gặp con vịt rủ nhau đi bơi, con cọp tìm gặp con mèo để học leo cây, con chó và con vịt đang đi thì gặp con quạ bay qua...*). Truyện mang dáng dấp của “kịch với độ dài thời gian của hành động thường được biểu thị bằng hệ thống trùng lặp về chi tiết. Kết thúc câu chuyện thường gắn với một cách giải thích nào đó về đặc điểm sinh học của con vật, đôi khi có những ngụ ý giáo huấn thâm thúy và có xu hướng ngụ ngôn hóa.

Một số lớn các truyện xoay quanh câu chuyện con vật chưa có đầy đủ bộ phận hoặc chưa có một đặc điểm sinh học trong quá trình tiến hóa. Trời can thiệp để tạo ra một đặc điểm riêng cho con vật, hoặc một tình huống nào đó xảy ra tác động đến việc hình thành một hoặc nhiều đặc điểm sinh học của con vật. Đặc điểm đó trở thành đặc điểm nổi bật và phục vụ cho đời sống sinh tồn của con vật (*Kiên ông trời; Sự tích chân trâu, chó, gà và vịt; Vì sao vịt mất mào; Vì sao mai rùa bị rạn nứt; Vì sao trăn không có độc; Vì sao ngỗng không ăn tép; Vì sao gà sống trên bờ, vịt sống dưới nước; Vì sao rắn nước không có độc; Mèo giấu cứt; ...*)

Một số truyện khác xoay quanh tình huống éo le, bất công giữa con vật với con vật; hoặc những câu chuyện đòi thường giữa các con vật với nhau - thường thì có xuất hiện con thỏ. Bắt đầu bằng những tình huống có tính gây cười. Tiếp đó, thỏ thông minh xử kiện, chơi xỏ các con khác hoặc các con vật tự giải quyết mâu thuẫn với nhau. Kết thúc với phần thắng thiên về một con vật, thường là con thỏ bé nhỏ thông minh. (*Thỏ trắng xử kiện; Con thỏ khôn ngoan; Thỏ cứu voi; Thỏ, gà và cọp; Sự tích hình thỏ trên mặt trăng; Thỏ và cọp; Khỉ và cọp; Hồ, thỏ, gà và ó; Ruồi và nhện; ...*).

b. Truyện cổ tích thần kỳ có nhiều kiểu truyện phong phú hơn. Khảo sát nhóm truyện này, ta thấy nổi bật một số kiểu kết cấu chính.

Kết cấu truyện về đề tài quan hệ gia đình: Bắt đầu từ một mối xung đột hoặc một tình huống bị kịch. Nhân vật chính là người trực tiếp giải quyết xung đột / Hoặc hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện với hai cách ứng xử khác nhau đưa đến hai kết quả khác nhau. Kết thúc luôn có hậu.

Ví dụ: truyện *Sự tích cây hoa cúc trắng*, tình huống mẹ cô gái lâm trọng bệnh buộc cô phải bắt đầu một hành trình gian nan vượt qua thử thách để tìm bông hoa cứu mẹ. Nhưng trong truyện *Sự tích hoa Lài* là xung đột giữa chị - hiểu thảo tử tế và em - hỗn láo đố kỵ. Em ganh tị xuống tay hại chết chị. Chị hóa thành hoa để người nâng niu, còn em hóa thành sâu bị người tìm diệt.

Kết cấu truyện về đề tài là thân phận người lao động nghèo khổ: Xoay quanh các mối quan hệ gia đình, bắt đầu từ sự bất công trong phân chia gia tài hoặc sự phân biệt đối xử của người làm cha, mẹ, anh, chị. Nhân vật người bất hạnh thiệt thòi được lực lượng thần kỳ trợ thủ giúp đỡ làm thay đổi số phận. Nhân vật đối kháng tìm cách dò la, đánh đổi, hãm hại... Nhân vật chính vượt qua thử thách. Cuối cùng là kết thúc có hậu với phần thưởng xứng đáng. Ví dụ truyện *Chó đá sữa ra vàng* kể về một chàng trai lao động nghèo kiếm củi săn bắn trong rừng, chàng được con chó đá sữa ra vàng giúp đỡ trở nên giàu có. Tên phú hộ tham lam dò la, chàng trai tình thật kể lại. Nhưng kết cục là con chó không sữa ra vàng mà sữa ra một bầy chó rừng đuổi cắn tên phú hộ xấu tính. Hay truyện *Hai anh em và cây tre* kể về hai anh em, người anh tham lam lừa biếng, người em hiền lành chịu khó. Cha mẹ qua đời, anh đoạt hết tài sản chỉ chừa cho em cây tre. Thần tre giúp người em hưởng lộc. Người anh dò la và đổi chác. Nhưng kết cục, cây tre chỉ mang về toàn rắn rết và chúng cắn chết người anh tham lam.

Kết cấu truyện về đề tài người đội lốt vật, người xấu xí: Mở đầu giới thiệu nhân vật chính là người bất hạnh xấu xí nhưng có tài năng khác biệt. Tình huống được xây dựng để bộc lộ tài năng đó. Nhân vật được thử thách và đều vượt qua một cách ngoạn mục bằng tài năng khác biệt của mình. Kết thúc truyện là nhân vật nhận được phần thưởng xứng đáng và thoát khỏi lốt vật xấu xí. Truyện *Chàng Rùa* kể về một phụ nữ uống nước trong mai rùa, sau đó bà có mang và sinh ra một con rùa. Chàng Rùa có tài lạ và đòi cưới công chúa. Sau đó, chữa được bệnh cho đức vua. Rồi chàng được nữ thần ban cho ba món bảo bối để vượt qua những thử thách khó khăn. Cuối cùng, chàng thoát

khỏi lột rùa trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú sống hạnh phúc trọn đời cùng công chúa út.

Kết cấu truyện về đề tài người đưng sĩ, người có tài lạ: thường có nguồn gốc xuất thân kỳ lạ. Tiếp theo là tình huống nảy sinh đưa họ vào một cuộc phiêu lưu kỳ thú để bộc lộ tài năng xuất chúng của mình. Họ vượt qua thử thách và đạt được phần thưởng xứng đáng. Truyện *Sự tích Phụng Hoàng Sơn* kể về chú Chim Út lạc vào vườn đào và làm hồng vườn đào trăm tuổi, chú bị Ngọc Đế đày xuống trần cùng lời nguyện (Khi nào được một cô gái ưng thuận và sinh ra cháu bé thì lời nguyện được giải). Cuộc phiêu lưu và thử thách (tham gia thi kén rể) được lặp lại 3 lần (thi nói khoác, thi vớt sóng biển về, thi tài trí thông minh). Và cuối cùng nhân vật được ban thưởng (cưới công chúa).

Điêm qua các kiểu kết cấu cốt truyện nêu trên, ta thấy nổi bật lên các điểm: *Một là*, cốt truyện khá đơn giản, ít tình tiết. Truyện được kể ngắn gọn, một số truyện thậm chí còn có phần hơi sơ sài. *Hai là*, đa số các truyện cổ tích thần kỳ ở An Giang đều nằm trong hệ thống chung của truyện cổ tích Việt Nam nhưng có xu hướng lược bớt các tình tiết cho đơn giản. *Ba là*, một số truyện cổ tích thần kỳ, mang đặc điểm thi pháp đặc trưng của truyện lại có xu hướng truyền thuyết hóa để cài đặt vào (ở phần kết của bố cục truyện) những cách giải thích của dân gian về một địa danh nào đó ở vùng đất An Giang. *Bốn là*, đường dây cốt truyện được thể hiện qua một kết cấu quen thuộc. Có thử thách, có xung đột nhưng hầu hết đều kết thúc có hậu. Điều này cũng nói lên niềm tin của người dân An Giang vào cuộc sống, vào đạo lý làm người, ở hiền thì gặp lành, ác giả ác báo. Ở vùng đất mới mà họ có mặt để khai phá này, niềm tin đó đã trở thành chân lý và sức mạnh để họ tồn tại và thích nghi, trở thành một phần máu thịt không thể tách rời.

c. Tương tự, truyện cổ tích thế sự cũng có khá nhiều kiểu kết cấu nhưng hầu hết đều đơn giản. Sau công thức mở đầu giới thiệu không gian thời gian, truyện giới thiệu trực tiếp nhân vật và triển khai sự kiện, tình huống truyện trong một dung lượng khá ngắn gọn cho thấy khả năng tạo dựng

một kết cấu truyện thể hiện tư duy tự sự còn đơn giản trong truyện cổ tích thế sự An Giang.

Phổ biến hơn cả là kiểu kết cấu “*kể sự việc*”. Truyện kể về “người tốt việc tốt” lẫn “người xấu việc xấu” trong quan hệ gia đình và quan hệ xã hội ở mảnh đất phương Nam xưa. Những câu chuyện dạng sinh hoạt, thế sự kiểu như những lời đồn đãi lan truyền làm cho kết cấu các truyện khá tự do, không theo một khuôn mẫu chung, ít có truyện nào giống truyện nào. Ở một số truyện khác, các tác giả dân gian chọn những sự kiện khá điển hình để khắc họa nét tính cách đạo đức hoặc tính cách mưu trí của nhân vật, hoặc ngược lại khắc họa sự sai lầm, ngốc nghếch của một số nhân vật khác. Ở dạng này, truyện có tính gây cười và ảnh hưởng tiếng cười dân gian từ truyện cười. Chẳng hạn như chuyện ém bùa Lỗ Ban khi cất nhà (truyện *Bùa Lỗ Ban*), chuyện người đàn bà do dự năm lần bảy lượt rồi đi đến quyết định đánh đổi thân xác với hương quân để có lúa mang về cứu đói cho gia đình (*Sự tích cây rau răm*), chuyện anh nợ đi vay nợ thể hiện sự khôn lỏi nhưng đã bị lật tẩy bởi sự thông minh của vị quan (truyện *Hai trắng*), chuyện vợ người em út bị tên địa chủ cướp để bù lại việc mất bò (truyện *Lão địa chủ và ba anh em*)...

Truyện có nội dung hoàn chỉnh hơn, kết cấu có nhiều công thức tình huống truyện hơn là nhóm truyện thế sự về những nhân vật chính là người thông minh hoặc ngốc nghếch. Sơ đồ kết cấu truyện được triển khai xoay quanh mục đích làm rõ tính cách mưu trí hoặc ngớ ngẩn của nhân vật truyện. Ví dụ truyện *Đạo sĩ và học trò*, dựa trên lời dặn của thầy để tránh ba họa khi về nhà thăm vợ là “*Đi đường gặp đình chớ vào, gặp thom chớ gọi, gặp gà chớ đuổi, ba bốn sáu chớ hỏi*”, kết cấu truyện đã tạo tình huống cho anh học trò thể nghiệm bằng hết lời dặn của thầy. Hay chùm truyện *Kén dâu* lại xoay quanh các tình huống may áo, nấu cơm và đi chợ, cốt truyện được triển khai và truyện kết thúc khi cô hoàn thành xuất sắc thử thách, được phú ông chấp thuận.

2.3.2.2. Xung đột:

a. Truyện cổ tích động vật thường không đề cập xung đột trực tiếp giữa con người với loài vật

trong cuộc đấu tranh sinh tồn với thiên nhiên mà chuyển thành xung đột xã hội hoặc lồng vào đó những trạng huống sinh hoạt xã hội.

Trước hết là những xung đột đời thường giữa các con vật có tính cách phong phú như người. Những xung đột này phản ánh những mối quan hệ xã hội và ít nhiều mang màu sắc thể sự. Thông qua thể giới loài vật, cuộc sống con người với những quan hệ xã hội đa dạng đã được phản chiếu một cách sinh động, thú vị. Truyện *Vì sao mai rùa rạn nứt*, chuột mời rùa lên nhà chơi, rùa cắn đuôi chuột, không may bị té vỡ mai. Hay trong truyện *Khỉ và cọp*, tình tiết xung đột rất trẻ con và hồn nhiên. Khỉ và cọp bày ra trò chơi nhảy mương và leo cây. Trong khi khỉ nhảy nhót và leo trèo thoăn thắt thì cọp không làm được. Thế là từ đó, cọp không thèm chơi với khỉ nữa.

Loại xung đột thứ hai là những xung đột mang tính ẩn dụ về kiểu loại người trong cuộc sống mà trật tự xã hội đã bắt đầu hình thành những quy ước của nó. Những kiểu xung đột giữa người mạnh và kẻ yếu, những xung đột giữa người thông minh khôn ngoan và những kẻ khờ khạo ngốc nghếch. Truyện *Cá rô và lươn* kể về các cư dân dưới nước sống vui vẻ. Nhưng kể từ khi lươn phát hiện thấy nhờ thân hình tròn trịa đều đặn và xinh đẹp mà cá rô được các con cá khác yêu thích còn mình thì không bởi thân hình dài thượt lại nhỏ teo, thì lươn sinh lòng ghen ghét. Vì vậy, lươn dụ cá rô vào nhà mình chơi, kỳ thực là đưa cá rô vào lộp và mắc kẹt ở đó. Cá rô khóc mãi cho tới khi chết (nên ngày nay, khi cá rô chết, bao giờ mắt cá cũng đỏ hoe). Còn lươn đắc ý vì đã hại được cá rô nên cười mãi đến mắt híp lại và đó là lý do vì sao mắt lươn ti hí. Hay các truyện *Thỏ cứu voi*, *Con thỏ khôn ngoan*, *Thỏ trắng xử kiện*, *Thỏ và cọp...* kể về con thỏ nhỏ bé yếu ớt nhưng thông minh khôn ngoan đã hỗ trợ, giải cứu, điều khiển, sai khiến, thậm chí trừng phạt những con vật to lớn, mạnh bạo hơn mình rất nhiều lần như cọp, voi, gấu, khỉ...

b. Truyện cổ tích thần kỳ hầu hết xoay quanh hai loại xung đột. Đó là *xung đột xã hội* và *xung đột giữa con người với những trở lực của thiên nhiên* và luôn được sự can thiệp giải quyết của các lực

lượng thần kỳ. Nếu *xung đột xã hội* phổ biến hơn và thường được thể hiện thông qua xung đột gia đình thì *xung đột giữa con người với những trở lực của thiên nhiên* là sự tiếp nối truyền thuyết khẩn hoang.

Xung đột xã hội thể hiện qua sự đối đầu giữa hai tuyến nhân vật diễn ra trong xu thế phát triển. Kẻ thù đối kháng luôn tìm cách gây hại, chiếm đoạt những thành quả do đạo đức tài năng của nhân vật lý tưởng tạo nên. Xung đột ấy biểu hiện ở những hành động tiêu biểu có tính lặp lại như một motif trong truyện cổ tích thần kỳ. Motif kẻ thù đối kháng tiến hành dò la, chẳng hạn vợ chồng người anh dò hỏi vì sao người em trở nên giàu có (*Sự tích ông Pa Lây bà Pa Lư*), mẹ con bà mẹ kể dò hỏi để giết chết cá bống và tận diệt cây cà (*Neang Mo Na rả Miêđ Đa*). Hay motif kẻ thù đối kháng tìm cách đánh lừa nhân vật lý tưởng như sáu hoàng tử anh lừa hoàng tử Út LaChi (*truyện Săn Sắt LaChi*), lão nhà giàu hứa gả con gái cho Thạch Nồi nhưng sau đó phân biệt giàu nghèo nuốt lời hứa, ngăn cản tình duyên của anh (*Sự tích thần núi Sam*). Motif giam hãm hoặc giết chết nhân vật chính như *Sự tích hoa Lài*, *Chàng Cóc*, *Cô gái mù...* Cách giải quyết xung đột trong truyện cổ tích thần kỳ thường là sự chiến thắng của nhân vật lý tưởng. Trước mâu thuẫn gay gắt của những xung đột mà truyện cổ tích đặt ra, nhân vật lý tưởng bao giờ cũng vượt qua và giành được thắng lợi nhờ đạo đức, lòng dũng cảm, sự thông minh, khéo léo của mình. Và cũng không loại trừ sự giúp đỡ và can thiệp của các yếu tố thần kỳ (*viên ngọc thần*, *chiếc áo tàng hình*, *viên đá nổi*, *bông hoa chữa bệnh*, *hạt gạo thần*,...) và các nhân vật thần kỳ (*thần*, *tiên*, *bụt*, *Phật bà Quan Âm...*; *phù thủy*, *chăn tinh*...).

c. Xung đột trong truyện cổ tích thể sự thường xoay quanh các vấn đề về đạo đức (tốt – xấu); về tính cách (thông minh - ngốc nghếch, khôn ngoan - khờ khạo); đặc biệt là xung đột giữa các nhân vật là người và thế giới ma quái.

Xung đột giữa các nhân vật xoay quanh các vấn đề về đạo đức: truyện kể về những tám gương kiêu mẫu (*hiếu đễ tiết nghĩa*). Không có những xung đột gay gắt quyết liệt, vấn đề đạo đức đặt ra

khá đơn giản, trực diện và ý nghĩa cũng chỉ giới hạn ở sự giáo dục đạo đức. Truyện *Cây đa bến cũ* nói về sự xung đột giữa thủy chung và bội bạc, giữa sự chờ đợi và sự lãng quên. Truyện *Đức Tản Tài*, người vợ cũng bị chồng phụ bạc sau một thời gian vất vả và nuôi chồng ăn học đỗ đạt thành tài. Sau khi tìm được người tốt và đi bước nữa, chị lại được trời cho của cải trở nên giàu có và hết lòng giúp đỡ mọi người. Trong khi đó, anh chồng cũ tham phú phụ bần lại có một kết thúc buồn khi cuộc sống lâm vào cảnh túng quẫn khó khăn.

Xung đột giữa các nhân vật xoay quanh các vấn đề về tính cách mở rộng ra thêm những xung đột xã hội (*Thông minh được vợ, Vợ khôn...*). Truyện thường kể về những sự phân xử tài tình thể hiện ước mơ một cuộc sống công bằng. Thông qua đó, dân gian gửi gắm những bài học triết lý nhẹ nhàng mà sâu sắc. Để tồn tại ở vùng đất mới, không thể là một con người “hữu dũng vô mưu”, một kẻ vô biên vai u thịt bắp mà còn phải có trí tuệ, có nhận thức, có sự linh hoạt, biết thích nghi tốt với mọi hoàn cảnh nhằm hướng đến sự tồn tại và phát triển để ổn định cuộc sống lâu dài.

Xung đột giữa các nhân vật người và ma xuất hiện trong khá nhiều truyện thể sự An Giang (*Chợ sớm gặp ma, Chơi đình gặp ma, Hồn ma mượn xác, Ma cụt đầu, Ma đèn, Ma đuốc, Ma lai, Người khuất mặt bên cồn, Quán ma bên sông, Sợ tới phát bệnh, Xác nổi củi lao Ba,...*). Với dung lượng truyện ngắn gọn, các xung đột truyện cũng không phức tạp, chủ yếu xoay quanh những chuyện kỳ lạ, quái dị, có màu sắc hoang đường. Xung đột này cho thấy sự bí ẩn của vùng đất với những thế lực siêu nhiên mà con người phải kiêng dè, những cư dân cổ đã vong mạng trong quá trình khai khẩn, những người “khuất mày khuất mặt” của các thế hệ trước đã sống và chết ở đất này. Ma quỷ là sản phẩm của trí tưởng tượng con người, tuy nhiên điều đó cũng có yếu tố hiện thực liên quan đến đời sống tâm linh của dân gian.

Riêng nhóm truyện của các dân tộc thiểu số ở An Giang như Khmer, Hoa, Chăm nhằm để giải thích một số phong tục tập quán, những nét bản sắc văn hóa dân tộc thì yếu tố xung đột không được đặt nặng. Truyện được kể đơn giản với mục đích giải

thích các nguyên nhân hình thành nên các yếu tố có tính truyền thống đó mà thôi. Chẳng hạn như *Sự tích mừng Ba tháng Ba, Sự tích gà mở cửa má, Sự tích đua ghe ngo, Sự tích Phchum Bân và sen Đônta, Sự tích đôi bông tai, Vì sao người Chăm ghét thần lằn, Sự tích lễ mừng thọ,...*

2.3.2.3. Nhân vật:

a. Nhân vật trong truyện cổ tích động vật chủ yếu là *vật nuôi* - những con vật sống gần gũi với con người hoặc là các động vật hoang dã xuất hiện phổ biến ở đất rừng phương Nam nói chung và An Giang ngày xưa nói riêng như cọp, sấu, trăn, rắn, cá nước ngọt,... được nhân cách hóa và xã hội hóa một cách đậm nét và sâu sắc để qua đó phản ánh về con người ở vùng đất này (*Tại sao trâu không biết nói, Thỏ và cọp, Vì sao khi cụt đuôi và mất đờ, Chó và ngựa, Vì sao gà sống trên bờ vẹt ở dưới nước, Vì sao vẹt bị mất mào, Loài chim học làm tổ, Cá rô và lươn, Cá sấu hóa rồng, Trăn nhà độc, Vì sao rắn nước không có độc,...*)

b. Nhân vật trong truyện cổ tích thần kỳ đa dạng hơn với nhiều kiểu loại như:

- **Nhân vật Tiên** (*Sự tích Phụng Hoàng Sơn, Cồn Tiên,...*) ít nhiều chứng tỏ vùng đất địa linh An Giang luôn có những huyền thoại giàu màu sắc hoang đường. Chất hoang đường huyền ảo ấy kết nối quá khứ với hiện tại tạo nên tiếng nói riêng độc đáo cho không gian địa danh An Giang.
- **Nhân vật người** chiếm số lượng đông đảo hơn cả và mang đầy đủ đặc điểm của kiểu truyện (người lao động, người bất hạnh, thiệt thòi... trong *Sự tích Thần Núi Sam, Chàng trai dẹt lưa, Cô gái lấy chồng nghèo, Hai anh em và cây tre,...*) và khái quát cho chân dung người lao động thời xưa – những cư dân ở An Giang với những nét tính cách như hiền lành thật thà, chí thú làm ăn, giàu lòng nhân ái,...
- **Nhân vật người đội lột vật** (*Chàng Cóc, Người hóa Sấu, Người lấy trăn,...*) bị đặt vào tình thế buộc phải vận động để tìm lại hình hài con người. Chiến công và tài năng của nhân vật này thường không thể tách rời khỏi các yếu tố thần kỳ nhưng đồng thời lại mang đạo đức, tài năng của nhân dân.

- **Nhân vật có tài lạ** (*Ba chàng dị tướng, Ba chàng tài giỏi,...*) khai thác sở trường và năng lực của mình trong những xung đột xã hội hay xung đột với những trở lực của thiên nhiên, thể hiện mơ ước con người có những năng lực siêu phàm để tự tin chinh phục những khó khăn thử thách trong quá trình khai phá vùng đất để an cư lạc nghiệp.
- Ngoài ra là **nhân vật có màu sắc tôn giáo** tạo nên sự đa dạng về văn hóa vùng đất, nơi hội tụ nhiều dân tộc với nhiều phong tục tập quán khác nhau, nhiều ảnh hưởng tư tưởng văn hóa tôn giáo phong phú (*Ông thầy Bảy, Neang Ca Cây,...*)

c. Tương tự, nhân vật chính của truyện cổ tích thể sự cũng vô cùng phong phú với đủ loại người, hạng người trong các mối quan hệ gia đình và xã hội... Đó là quan hệ giữa người giàu và kẻ nghèo (*Cúng đình, Sự tích rau răm, Lão địa chủ và ba anh em nghèo,...*), giữa cha mẹ và con cái (*Vì sao con gái để tang cha lại che mặt, Sự tích lễ mừng thọ,...*), giữa chồng và vợ (*Cây đa bến cũ, Chồng làm biếng, Dâu giỏi cấy nhờ,...*), giữa người thông minh và kẻ ngốc nghếch (*Chàng ngốc được vợ, Hai thầy trò đi ăn trộm,...*), giữa ma và người (*Trừ tà, Chợ sớm gặp ma, Gác chéo, Hồn ma mượn xác,...*). Từ các quan hệ này, ta khái quát được một số loại nhân vật như: *nhân vật nghèo khổ, mồ côi bất hạnh; nhân vật đức hạnh có phẩm chất tốt đẹp; nhân vật xấu xa có tâm địa độc ác hại người; nhân vật thông minh; nhân vật ngốc nghếch...*

2.3.2.4. Thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật

a. Truyện cổ tích động vật

- **Thời gian nghệ thuật:** Khái niệm thời gian ngày xưa hay xưa kia (chiếm hầu hết các truyện) gắn liền với thời kỳ khai hoang mở đất mà đối với các cư dân An Giang, thời ấy đã lùi xa vào quá khứ làm nên sự lung linh huyền ảo về một giai đoạn đã đi vào huyền thoại.

- **Không gian nghệ thuật:** Không gian môi trường sống sinh học của con vật như núi rừng, sông nước An Giang để chúng bộc lộ các đặc điểm sinh học của mình (*Loài chim học làm tổ, Thỏ và cọp,*

Khỉ và cọp, Cá sấu hóa rồng,...); không gian giao tiếp giữa vật với người (*Chó và ngựa, Vì sao trâu không biết nói,...*) bớt đi nhiều màu sắc hoang dã để có thể lồng ghép các vấn đề thể sự; không gian thần thoại mang ít nhiều màu sắc thần thoại với những tín ngưỡng nguyên thủy cổ xưa giải thích một cách ngây thơ về các đặc điểm của những con vật trong quá trình tiến hóa (*Sự tích con trâu; Sự tích chân trâu, chó và vịt; Kiện ông trời;...*).

b. Truyện cổ tích thần kỳ

- **Thời gian nghệ thuật** trong truyện cổ tích thần kỳ An Giang có vẻ đơn giản hơn và gần với các biểu hiện thời gian của truyện cổ tích thần kỳ Việt Nam nói chung. Các công thức *Ngày xưa ngày xưa* khá phổ biến và rất đặc trưng cho cách kể chuyện cổ tích. Công thức thời gian phiếm chỉ quen thuộc đó đã mở đầu cho hầu hết các truyện nhóm này. Những thời điểm xảy ra các sự kiện, xung đột của truyện cổ tích đều nằm trong hệ thống của nó để lý giải số phận nhân vật một cách đầy đủ và tiêu biểu nhất. Thời gian truyện thường gắn với hệ thống trùng lặp và có sự liên hệ mật thiết với xung đột trong truyện cổ tích thần kỳ (*lần thứ nhất, lần thứ hai, lần cuối cùng*) tạo sự chờ đợi căng thẳng. Tuy nhiên, hầu hết có dung lượng ngắn gọn hơn nhiều so với truyện cổ tích thần kỳ ở các vùng miền khác, truyện chỉ là những lát cắt thời gian trong cuộc đời nhân vật, gắn với một tình huống cụ thể hơn là một câu chuyện có thời gian kéo dài đi hết cuộc đời số phận của nhân vật ấy.

- **Không gian nghệ thuật** của nhóm truyện này – dù mang màu sắc thần kỳ nhưng lại bắt nguồn từ một không gian thực, rất đặc trưng cho vùng đất An Giang. Có thể nói, tác giả dân gian đã thần kỳ hóa các không gian quen thuộc trong môi trường sống của mình. Ở đó, nổi lên các yếu tố không gian nổi bật là sông nước, núi non, đồng bằng ruộng lúa. Bằng trí tưởng tượng phong phú và một tâm hồn phóng khoáng bay bổng, các tác giả dân gian đã thổi vào “không gian thực” nêu trên một thế giới mang màu sắc thần kỳ ảo diệu. Truyện *Sự tích hạt lúa mùa* vẽ ra một không gian đồng ruộng được thần kỳ hóa, ở đó, vào mùa thu hoạch, những hạt lúa to bằng cái lu mà chi cần lặn

tròn là tự khắc nó sẽ về nhà, người con lăn lúa, lúa va vào đất vỡ ra thành từng hạt nhỏ. Khi mùa lũ về, những hạt lúa thần lại tự nảy mầm sinh sôi. Hay không gian sông nước được thần kỳ hóa trong các truyện *Sự tích Cồn Tiên*, *Điều cấm kị*, *Cặp cá của bà...*. Bên cạnh đó, không gian về những vương quốc xa xưa ở vùng đất An Giang xuất hiện phần lớn trong các truyện cổ tích thần kỳ của dân tộc thiểu số như Chăm, Khmer (*Săn Sắt LaChi*, *Mơ lấy hoàng tử*, *Neang Ca Cây*, *Hoàng tử An Tê*,...). Điều này lý giải về một lớp truyện đã có từ xa xưa gắn với các cư dân cổ cùng những hồi ức về vương quốc Phù Nam hay các vương triều lân cận như Xiêm La, Chân Lạp,...

c. Truyện cổ tích thế sự

- **Thời gian nghệ thuật** đa phần bắt đầu từ công thức thời gian quen thuộc của truyện cổ tích như *ngày xưa ngày xưa, xưa kia, thuở đó, hồi đó*. Mặc dù vậy, so với công thức tương tự trong truyện cổ tích thần kỳ, người nghe lại có cảm giác khoảng thời gian đó gần hơn hiện tại, ngay trong thời điểm câu chuyện được kể. Đó là *thời gian tâm tư* của người cha về thái độ cư xử bất hiếu của các cô con gái (*Vì sao con gái để tang cha lại che mặt*); là *thời gian bất hạnh* của người vợ bị chồng bạc đãi, sinh non rồi qua đời (*Bóng trắng dưới trăng mờ*); là *thời gian chờ đợi và đổi thay* của vợ chồng (*Cây đa bến cũ*)... Hay những khoảnh khắc quen thuộc như thời gian đêm trăng sáng cô Tư bán măng cầu đi chợ sớm gặp ma (*Chợ sớm gặp ma*); thời gian phiên chợ khi ông bố kén vợ cho con (*Kén dâu*); thời gian thử thách qua các tình huống hài hước của ông bố vợ và chàng rể mà mắt đứng trông (*Anh chàng thông minh đi làm rể*),... Tất cả gắn với những biến cố rất đời thường gần gũi, thân quen.

- **Không gian nghệ thuật** quen thuộc nhưng vẫn đậm màu sắc cổ tích gắn với cuộc sống đời thường của người dân An Giang. Đó là khung cảnh đồng ruộng ở nông thôn gắn với bức tranh sinh hoạt của các gia đình nông dân; những chuyện về người về việc diễn ra hàng ngày ở làng trên xóm dưới; bối cảnh không gian của sông nước cũng được sử dụng phổ biến để làm phong nền cho câu chuyện kể; núi rừng vùng Thất Sơn

cũng là một không gian quen thuộc để tương truyền bao chuyện kể ly kỳ, huyền bí. Nhưng hầu hết các truyện là một bối cảnh không gian vừa quen thuộc (vì gắn với không gian địa lý An Giang), vừa đậm màu sắc cổ tích (bởi yếu tố phiếm chỉ của nó). Đó là chuyện ở *làng nọ*, ở *khúc sông kia*, ở *trong khu rừng* hay là *một cánh đồng vắng*. Cá biệt, một số ít truyện nhắc đến một địa danh cụ thể, chẳng hạn không gian Vĩnh Hội Đông trong truyện *Trời tà*, xứ Châu Đốc trong truyện *Sự tích cây sấu đông*, vùng Bảy Núi hoang sơ trong truyện *Sự tích cây tóc*, làng Hưng Thới, Phú Hưng trong truyện *Cây đa bến cũ*. Một số truyện của người Chăm hay Khmer có nhắc đến một không gian rộng hơn (và xa xưa hơn) ví dụ như vương quốc nào đó trong *Sự tích Phchum Bân và sen Đonta* hay không gian chiến tranh chung chung trong truyện *Neang Som Pa Phuôm*,...

Riêng màu sắc ma quỷ hoang đường trong truyện kể thế sự An Giang cũng là nét nổi bật của thi pháp không gian ta cần lý giải. Phải chăng không gian của vùng đất mới với nhiều điều mà con người phương xa đến đây chưa khám phá hết đã phủ lên câu chuyện một màu sắc ma mị, một làn sương khói âm u gắn với những người khuất mặt khuất mắt? Cũng cánh đồng đó, khúc sông đó, khu vườn đó, thông qua trí tưởng tượng của dân gian và sự liên tưởng về những cư dân cổ đã sống và chết ở mảnh đất ấy, người kể chuyện không hẳn cố tình tạo ra không gian ma quái để hù dọa người nghe. Dường như trong đời sống tâm linh của mình, khi đến vùng đất mới, sự kiêng dè, cử tránh cũng là một thái độ ứng xử với những người đã khuất: “*Đến đây xử sở lạ lòng, Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh*”.

Những bối cảnh thời gian và không gian quen thuộc, thêm câu chuyện được kể không có hoặc ít có yếu tố thần kỳ gắn với sinh hoạt đời thường đã tạo cho tâm lý người tiếp nhận cảm giác như chuyện vừa mới xảy ra chưa lâu và tồn tại quanh đây. Truyện kể không hướng người đọc vào một thế giới thần kỳ biến ảo mà lại tạo nên sức hấp dẫn riêng bởi sự gần gũi với đời sống và chất hiện thực đậm đà của nó. Chất hiện thực ấy có được, chắc hẳn phần lớn là do không gian và thời gian

nghệ thuật trong truyện cổ tích thể sự là không gian hiện thực, thời gian hiện thực.

3. KẾT LUẬN

Truyện dân gian An Giang rất đa dạng phong phú về thể loại. Đây là một kho tàng truyện kể độc đáo, được hình thành và lưu truyền ở An Giang, có những yếu tố thi pháp đặc sắc riêng như kết cấu cốt truyện, xung đột, nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật...

Khi khảo sát các đặc điểm thi pháp truyện dân gian An Giang, chúng tôi nhận thấy hầu hết các thể loại truyện, đặc biệt là thể loại truyền thuyết vừa mang những đặc điểm thi pháp chung của truyện dân gian Việt Nam, vừa toát lên đậm đà và rõ nét các yếu tố lịch sử, địa lý, văn hóa và con người vùng đất An Giang.

Nghiên cứu đặc điểm thi pháp truyện dân gian An Giang cũng nhằm hướng đến việc gợi ý những phương pháp dạy học phù hợp, cụ thể là dạy tích hợp truyện dân gian An Giang gắn với lịch sử, địa lý, văn hóa và con người vùng đất An Giang. Đặc biệt, việc đọc hiểu, phân tích cái hay cái đẹp của văn bản truyện không thể không gắn với các đặc điểm thi pháp thể loại. Thông qua việc tìm hiểu đặc điểm thi pháp truyện, học sinh sẽ có thể liên hệ với văn học dân gian Việt Nam nói chung để hiểu sâu hơn các motif, các công thức truyền thống của truyện dân gian An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Nhị. (1985). Tiếp cận văn học dân gian địa phương từ đặc trưng của văn học dân gian. *Tạp chí văn học*. Số 3.
- Chu Xuân Diên. (2001). *Văn hóa dân gian – Một vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Huỳnh Công Tín (chủ biên). (2006). *Văn học dân gian An Giang*. 4 tập. Cần Thơ: Trung tâm Ngôn ngữ & Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long ấn hành.
- Lê Trường Phát. (2000). *Thi pháp văn học dân gian*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn Đình Đầu. (1999). Địa danh Đồng Tháp Mười. *Tạp chí Xưa và nay*. Số 66B.
- Nguyễn Đồng Chi. (1993). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Hà Nội: Viện Văn học.
- Nguyễn Tấn Đắc. (2001). *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nhiều tác giả. (2013). *Địa chí An Giang*. An Giang: Sở Thông tin và Truyền thông ấn hành.
- Son Nam. (1988). *Lịch sử An Giang*. An Giang: Nhà xuất bản Tổng hợp An Giang.